

MỘT SỐ NÉT VỀ HIỆN TRẠNG VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG TẠI KHU VỰC TP.HCM

TS. Nguyễn Đức Nghĩa ¹

I. Qui mô và số lượng

Tính đến tháng 4/2004, trên địa bàn thành phố đang có 29 trường ĐH (trong đó có 9 trường dân lập - bán công và 1 trường có 100% vốn nước ngoài), hầu hết đều do trung ương quản lý. Nếu tính luôn các trường đại học có phân hiệu tại TPHCM thì số trường ĐH là 39 trường. Số lượng trường cao đẳng có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh là 19 trường. Như vậy, số lượng trường đại học tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh có tỉ lệ khá lớn : nếu không kể các trường thuộc khối an ninh - quân sự - quốc phòng, thành phố Hồ Chí Minh chiếm hơn 1/3 số lượng trường đại học (27/77) và 1/7 số lượng trường cao đẳng (19/127) (chiếm ~21,5% tổng số các trường đại học - cao đẳng trong cả nước).

Số lượng các trường ĐH, CĐ, số dân và số sinh viên/1 vạn dân của TPHCM và các khu vực khác

TT	Khu vực	Năm	1999	2000	Dự kiến		Dân số năm 1998 (triệu người)		Số SV/1 vạn dân (năm 1998)	
					2005	2010	Σ	Hạng	Σ	Hạng
1	Tây Bắc		2	4	5	6	2,087	10	17,5	9
2	Đông Bắc		19	23	23	24	10,693	3	30,2	5
3	Hà Nội		52	54	54	54	2,397	9	1.269,5	1
4	Đồng Bằng sông Hồng		30	37	38	40	12,293	2	28,8	6
5	Bắc Trung bộ		12	13	11	11	9,931	4	36,5	4
6	Duyên hải nam Trung bộ		16	16	19	20	6,670	6	74,9	3
7	Tây Nguyên		4	4	4	4	3,171	8	26,7	7
8	Đông Nam bộ		11	16	17	17	7,096	5	23,5	8
9	Tp. Hồ Chí Minh		38	39	41	45	5,331	7	428,1	2
10	ĐB sông Cửu Long		10	17	20	20	18,567	1	17,2	10
	Cả nước		10	17	20	20	18,567		17,2	

So với Hà Nội, TPHCM có số dân đông hơn (khoảng 7 triệu dân, tính cả vắng lai) nhưng số lượng trường ĐH, CĐ thì ít hơn (thủ đô Hà Nội có 54 trường đại học và khoảng 14 trường cao đẳng) , số SV/ 1 vạn dân chỉ bằng 1/3 so với

¹ Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Hà Nội. Tuy nhiên, nếu so với khu vực lân cận như Đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam bộ, thì số lượng trường ở thành phố Hồ Chí Minh vượt khá xa.

Điều này cho thấy thành phố Hồ Chí Minh phải gánh vác một phần trách nhiệm trong đào tạo nguồn nhân lực cho cả khu vực phía Nam nói chung và cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

**Số liệu về các trường đại học, cao đẳng trên cả nước
(tính đến tháng 4/2004)**

	Tổng số	Chia theo loại hình		
		Công lập	Bán công	Dân lập
Tổng số	214	187	6	21
1. Đại học Quốc gia	2	2		
2. Đại học vùng	3	3		
3. Học viện	5	5		
4. Trường đại học	77	58	2	17
5. Trường cao đẳng	127	119	4	4

(Nguồn: Thống kê giáo dục Cao đẳng và Đại học năm học 2003 - 2004 Bộ GD&ĐT)

Năm học 2003-2004, số sinh viên theo học ĐH, CĐ ở mọi loại hình đào tạo (chính qui, cao đẳng, tại chức.) tại thành phố Hồ Chí Minh là 299618 (số sinh viên đại học 248434 và số sinh viên cao đẳng 51184). Những trường có số lượng sinh viên lớn như trường Đại học Kinh tế tpHCM (42421), trường Đại học Bách khoa (25705), trường ĐH Mở Bán công (21196), trường ĐH KHXH-NV (16973), trường ĐHSPKT (15312).v.v. Nhìn chung, tỷ lệ sinh viên hệ chính qui ở các trường công lập là 55%, còn lại là các trường bán công và dân lập. Qua số liệu cũng cho thấy **có sự mất cân đối trong bậc đào tạo đại học và cao đẳng ở thành phố Hồ Chí Minh**: số sinh viên cao đẳng (mang tính chất thực hành nhiều hơn) chỉ chiếm khoảng 17% tổng số sinh viên toàn thành phố.

Tính riêng trong kỳ tuyển sinh 2003 - 2004, tổng sinh viên mới đến nhập học của các trường đại học và cao đẳng của các trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là 64384, trong đó số sinh viên đại học là 39493 và cao đẳng là 24891. Số liệu này cho thấy **sự mất cân đối trong đào tạo sẽ còn tiếp tục trong một thời gian dài nữa nếu không có sự điều chỉnh vĩ mô** từ phía Bộ Giáo dục - Đào tạo. Do chính sách ưu tiên tuyển sinh, số lượng sinh viên có hộ khẩu ở thành phố Hồ Chí Minh chỉ chiếm khoảng 20 - 30%, còn lại là sinh viên đến từ các địa phương khác, trong đó số sinh viên có gốc từ đồng bằng sông Cửu Long chiếm khoảng 10 - 15%.

Số sinh viên tốt nghiệp năm 2003 tại các trường ở khu vực thành phố là 33243 (bao gồm 16881 hệ đại học chính qui và 7377 hệ tại chức, 8985 hệ cao đẳng). Số liệu này cho thấy **hiệu suất đào tạo nhìn chung là thấp, đặc biệt là hệ cao đẳng**. Nếu như ở *nhiều trường đại học số sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ đạt khoảng 50 - 80%, số sinh viên tốt nghiệp toàn khóa có thể đạt đến*

70 - 80% thí sinh tốt nghiệp cao đẳng ở một số trường không đạt đến 50% so với số sinh viên đầu khóa học (số liệu từ các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề còn cho những cái nhìn bi quan hơn). Một lần nữa, số liệu thực tế cho thấy khó khăn của các trường cao đẳng nói riêng cũng như của hệ thống đào tạo nghề nói chung, trong đó khó khăn lớn nhất là nhận thức từ phía người học và sự tự thân vận động của hệ thống các trường nghề và cao đẳng.

II. Cơ cấu ngành nghề đào tạo

Mạng lưới các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh bao gồm khoảng 80 ngành nghề khác nhau, hầu như được đào tạo khép kín tại từng trường. Có thể tạm phân chia theo cơ cấu như sau:

Trường có đào tạo giáo viên (ĐH Sư phạm, CĐ Sư phạm).

Trường kỹ thuật - công nghệ: ĐH Bách Khoa, ĐH Sư phạm Kỹ thuật.v.v..

Trường nông - lâm - ngư : Đại học Nông Lâm

Trường khoa học cơ bản (tự nhiên, xã hội - nhân văn): ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Khoa học Xã hội - Nhân văn

Trường kinh tế, luật: ĐH Kinh tế, ĐH Luật, Khoa Kinh tế (ĐHQG-HCM).

Trường y - dược: ĐH Y Dược, TT Đào tạo và Bồi dưỡng Cán bộ Y tế.

Trường thể dục - thể thao: Trường ĐH Thể dục Thể thao Trung ương 2

Trường văn hóa - nghệ thuật: Nhạc viện, ĐH Mỹ thuật.

Trường Ngoại ngữ (trường Đại học KHXH-NV, trường Đại học Sư phạm, .v.v.).

Cơ cấu sinh viên phân bố theo ngành đào tạo ĐH- CĐ tại thành phố

Khôi ngành	Năm học		96-97		97-98		2003-2004	
	Σ	%	Σ	%	Σ	%		
Kỹ thuật - công nghệ	37.601	23,8	45.013	22,0				
Kinh tế + Luật	35.285	22,3	47.005	23,1				
Ngoại ngữ + Sư phạm	29.372	18,6	44.734	22,0				
Khoa học cơ bản	24.333	15,4	30.413	15,0				
Nông - Lâm - Ngư	16.441	10,4	20.067	9,9				
Y tế - Thể thao	11.376	7,2	12.065	5,9				
Văn hóa - Nghệ thuật	3.527	2,2	4.026	2,0				
Tổng cộng	157.935	100	203.323	100	299618			

Số liệu trên chưa tính đến các trường đại học phía bắc có tuyển sinh và đào tạo tại thành phố (không phải phân hiệu hai) như : trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, trường ĐH Thủy Lợi, trường ĐH Thủy sản Nha Trang

(Nguồn: Thống kê giáo dục Cao đẳng và Đại học năm học 2003 - 2004 Bộ GD&ĐT)

Về xu hướng chọn ngành, sinh viên thường chọn các ngành đang hoặc có thể phát triển trong xã hội (như Điện tử, Xây dựng, Công nghệ Thực phẩm,..) nhưng **chưa quan tâm đến các ngành cần thiết** cho sự phát triển của xã hội như Kỹ thuật nông nghiệp, Công trình thủy, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điện..

Việc đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước nhằm điều phối việc đào tạo cán bộ kỹ thuật cho các ngành này cũng chưa được quan tâm đúng mức.

Một xu thế khác trong chọn ngành nghề của thí sinh là *chọn những trường, ngành có điểm chuẩn trúng tuyển thấp trong kỳ tuyển sinh trước (để tăng cơ may trúng tuyển)*. Về lâu dài, điều này không tạo được sự yêu thích ngành nghề của học sinh mà chỉ phục vụ cho mong muốn có một chỗ học ở các trường đại học. Nguy cơ lớn hơn nữa là gây nên sự mất ổn định trong đào tạo của một số ngành, số trường vì sinh viên chỉ "tạm trú" trong năm học đầu tiên trong khi chờ đợi thi lại vào kỳ tuyển sinh năm sau (thống kê cho thấy số sinh viên cao đẳng tốt nghiệp tại nhiều trường không đạt đến 50% số lượng sinh viên trúng tuyển đầu vào).

III. Cơ cấu sở hữu

Ngoại trừ Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Chính phủ, chỉ chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục - Đào tạo, tất cả các trường đại học công lập và dân lập khác trên địa bàn thành phố đều do trung ương quản lý thông qua Bộ GD&ĐT hoặc một số Bộ ngành khác như Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thương mại v.v..

IV. Đội ngũ giảng viên

Tính đến năm 2004, số CBGD ở các trường đại học và cao đẳng trên thành phố (không kể các trường có phân hiệu tại thành phố) ước khoảng 9740, trong đó cao nhất là ở các trường đại học và cao đẳng công lập (7500 giảng viên). Tính trên số sinh viên thuộc mọi hệ đào tạo, tỉ lệ chung số SV/CBGD của thành phố là 30,8 (con số này có thể cao hơn vì nhiều CBGD của các trường bán công và dân lập được thỉnh giảng từ các trường công lập). Tuy nhiên tỷ lệ rất khác nhau ở từng trường. Cụ thể, nếu chỉ tính trên sinh viên thuộc hệ chính qui (tuyển sinh quốc gia) thì tỉ lệ này ở trường Đại học Mở - Bán công là 125; trường ĐHDL Kỹ thuật Công nghệ 49,3; trường ĐH Khoa học Tự nhiên 21; trường Đại học Kinh tế 33,5; trường ĐHSP Kỹ thuật 30,85; trường Đại học Luật 22,85; Các trường có tỷ lệ SV/CBGD thấp như Nhạc viện 2,2; TTĐT&BD CB Y tế 3,9; ĐH Mỹ thuật 7,14; Đại học Y Dược 5,32; Đại học Sư phạm 12,5; Đại học Nông lâm 16,4 v.v.

Về cơ cấu CBGD, 1423 giảng viên có trình độ trình độ tiến sĩ chiếm tỉ lệ 14,6%, trong đó phần lớn tập trung ở các trường đại học công lập (739 TS, chiếm tỉ lệ 15,11%, trong đó lưu ý rằng có nhiều giảng viên trình độ tiến sĩ ở các trường dân lập - bán công được thỉnh giảng từ các trường công lập; ngoài ra số giảng viên có học vị tiến sĩ ở các trường cao đẳng không nhiều - 75 tiến sĩ); 2982 giảng viên có trình độ thạc sĩ, chiếm tỉ lệ 30,62%.

Cơ cấu CBGD của các đơn vị trên địa bàn thành phố (2000-2001)*

STT	TRƯỜNG	CÁN BỘ GIẢNG DẠY				
		Phân theo trình độ			Phân theo học hàm	
		TS	Ths	ĐH	GS	PGS
1	Công lập	623	1219	1868	30	112
2	Mở	113	102	234	5	34
3	Dân lập	333	391	763	23	97

	Tổng	1069	1712	2865	58	243
--	------	------	------	------	----	-----

(*) Không kể các trường có phân hiệu trên địa bàn TP. (Nguồn: Trung tâm Thông tin Bộ GD&ĐT)

Cơ cấu CBGD của các đơn vị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (2003-2004)*

TRƯỜNG	CÁN BỘ GIẢNG DẠY			
	Phân theo trình độ			Phân theo học hàm
	TS	Ths	ĐH	GS(***) ; PGS(***)
Công lập	814	2331	2308	182
Bán công - Dân lập (**)	609**	651**	3025	161**
Tổng	1423	2982	5333	343

(*) Không kể các trường có phân hiệu trên địa bàn TP.

(**) Số giảng viên có học vị tiến sĩ, thạc sĩ và học hàm giáo sư, phó giáo sư ở khối các trường dân lập - bán công thực tế có tính cả số thỉnh giảng từ các trường công lập, do đó các số liệu này không có ý nghĩa thống kê)

(***) Không kể số GS, PGS trong đợt phong hàm tháng 10/2004 vừa qua (Nguồn: Thống kê giáo dục Cao đẳng và Đại học năm học 2003 - 2004 Bộ GD&ĐT)

Những trường đại học có tỉ lệ giảng viên trình độ cao là những trường thành viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; trường Đại học Kinh tế (117 tiến sĩ - 26,96%; 181 thạc sĩ - 41,7%; 68,6% giảng viên có trình độ sau đại học) .v.v.

Cơ cấu CBGD của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (2003-2004)

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Tốt nghiệp đại học	790	43,6%
Thạc sĩ	629	34,7%
Tiến sĩ	393	21,7%
Cộng	1.812	100,0%

Nguồn : báo cáo của ĐHQG-HCM cho Đoàn Đại Biểu Quốc Hội trong buổi làm việc ngày 22/7/2004

Cơ cấu CBGD của các trường Đại học - Cao đẳng trong cả nước (2003-2004)

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Tốt nghiệp đại học	22905	57,3
Thạc sĩ	11719	29,3
Tiến sĩ	5361	13,4
Cộng	39985	100

Số CBGD có trình độ sau đại học chiếm 56,4% tổng số CBGD của ĐHQG-HCM, trong đó có 107 Phó Giáo sư, và 22 Giáo sư chiếm tỷ lệ 7,1% trong tổng số CBGD.

So với các số liệu của 3 năm về trước, số lượng và cơ cấu đội ngũ giảng viên khối đại học, cao đẳng đã được cải thiện đáng kể, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi về nâng cao chất lượng và năng lực giảng dạy theo yêu cầu đổi mới và hội nhập giáo dục đại học với khu vực.. Như vậy, với tỉ lệ số sinh viên trên đầu giáo viên còn cao và tỉ lệ số giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư và học vị sau đại học chưa nhiều so với Hà Nội, có thể thấy rằng lực lượng cán bộ giảng dạy đại học và cao đẳng tại thành phố Hồ Chí Minh đang thiếu về số lượng và trình độ chuyên môn cũng cần thiết đào tạo thêm. Chúng ta chưa nói đến việc một số lớn chuyên gia đầu ngành đang đến tuổi nghỉ hưu nhưng chưa có kịp một lực lượng thay thế đồng bộ.

V. Cơ sở vật chất

Đối với giảng dạy KHKT, cơ sở vật chất đóng một vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng đến chất lượng của đào tạo. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế chung, đầu tư của nhà nước vào các trường ĐH Khoa Học Kỹ Thuật chưa cao, đầu tư cho giáo dục cả nước chỉ chiếm có 17,2% GNP (12004). Mặc dầu đây là một phần đầu cao của Việt Nam vì từ 1992 đến 1998, chi tiêu cho giáo dục trên đầu người dân đã tăng lên gấp 4 lần từ 2,6 đến 10,2 USD và đầu tư cho giáo dục cả nước được tăng với tốc độ mạnh nhất trong các lãnh vực hoạt động nhà nước.

Ngoại trừ Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh có diện tích mặt bằng dùng cho giảng dạy khá lớn, đáp ứng được các tiêu chuẩn về phục vụ giảng dạy cho trình độ đại học đạt chuẩn khu vực, hầu hết các trường đại học trong thành phố đều có diện tích hoạt động rất chật hẹp, không tương xứng với yêu cầu gia tăng về qui mô cũng như chất lượng đào tạo trong tương lai gần sắp đến. Mặc dù Hội Đồng Đại học đã thực hiện một đợt khảo sát nhu cầu về đất đai của các trường

thành viên tham gia, nhưng xem ra việc thỏa mãn các nhu cầu này chưa có gì đảm bảo. Kết quả điều tra cho thấy diện tích mặt bằng hiện nay của 29 trường đại học - cao đẳng tham gia Hội đồng Đại học thành phố Hồ Chí Minh (không kể ĐHQG-HCM đã được chính phủ qui hoạch riêng) là 731000 m², trong khi nhu cầu mặt bằng tối thiểu cho những năm sắp đến theo đề nghị khiêm tốn của chính 29 trường này cũng đã lên đến 6698900 m². Trong tình hình đất đai khó khăn như hiện nay, rõ ràng phải có một chủ trương mạnh và những biện pháp cụ thể từ chính quyền thành phố thì mới hi vọng giúp cho các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thay đổi được diện mạo của mình.

Nhìn chung, phương tiện giảng dạy, thí nghiệm, thực tập, nghiên cứu ở các trường đặc biệt là khối ngành kỹ thuật và tự nhiên đều rất thiếu thốn và cũ kỹ ngay cả so với thiết bị sản xuất, dịch vụ trong nước. Thời gian gần đây sự đầu tư của nhà nước cho môi trường giáo dục có tăng lên đáng kể (đạt 17,2% ngân sách quốc gia năm 2004) tuy nhiên *vẫn chưa đáp ứng đủ ở mức trung bình. Việc xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm có tầm cỡ quốc gia chưa được triển khai ở khu vực phía nam, Tp HCM.*

Trong bối cảnh chung đó, thành phố Hồ Chí Minh đã có một hướng đi riêng khá độc đáo là sự hỗ trợ từ chính quyền thành phố cho các trường đại học trên địa bàn trong nhiều lãnh vực. Chỉ với sự hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh, một số phòng thí nghiệm trọng điểm bắt đầu được triển khai xây dựng. Thành phố cũng đã có đề án xây dựng hệ thống thông tin tư liệu nhằm nối kết các thư viện trên địa bàn thành phố, đã đặt hàng nhiều đề tài nghiên cứu cho các trường đại học cũng như tạo nhiều điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận với các trường đại học và ngược lại. Hội Đồng Đại học thành phố Hồ Chí Minh đã được thành lập từ năm 2002 và đã bắt đầu phát huy tác dụng, nhất là trong lãnh vực khoa học - công nghệ. Sắp tới, cần phải đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động của Hội đồng Đại học thành phố nhằm giúp các trường đại học - cao đẳng trên cùng địa bàn có sự phối hợp tốt hơn trong đào tạo và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực phục vụ đào tạo mà thành phố Hồ Chí Minh luôn ưu ái dành cho các trường đại học - cao đẳng.

Phụ lục: Các trường Đại học - Cao đẳng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (không kể các trường thuộc khối an ninh - quốc phòng)

Stt	Tên trường	Địa chỉ
	Đại học Quốc gia TP.Hồ chí Minh	Khu phố 6 phường Linh Trung quận Thủ Đức Tp. Hồ Chí Minh
1	Trường Đại học Bách khoa	268 Lý Thường Kiệt, phường 14, Quận 10 Tp. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5 Tp. Hồ Chí Minh
3	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 Tp. Hồ Chí Minh
4	Trường Đại học Quốc tế	Khu phố 6 phường Linh Trung quận Thủ Đức Tp. Hồ Chí Minh

5	Khoa Kinh tế	Khu phố 6 phường Linh Trung quận Thủ Đức Tp. Hồ Chí Minh
6	Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM	59C Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh
7	Trường Đại học Kiến trúc Tp. HCM	196 Pasteur, Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh
8	Trường Đại học Luật Tp. HCM	02 Nguyễn Tất Thành, Quận 4 Tp. Hồ Chí Minh
9	Trường ĐH Nông lâm Tp. HCM	Khu phố 6, phường Linh Trung Quận Thủ Đức Tp. Hồ Chí Minh
10	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM	1-3 Võ Văn Ngân Quận Thủ Đức Tp. Hồ Chí Minh
11	Trường Đại học Sư phạm Tp. HCM	280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5 Tp. Hồ Chí Minh.
12	Trường ĐH Y Dược Tp. HCM	217 Hồng Bàng, Quận 5 Tp. Hồ Chí Minh
13	Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng Cán bộ Y tế TP HCM	520 Nguyễn Tri Phương, Quận 10 Tp. Hồ Chí Minh
14	Trường ĐH Mỹ thuật Tp. HCM	5 Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh Tp. Hồ Chí Minh
15	Trường Đại học Giao thông Vận tải Tp. HCM	Số 2 đường D3 - khu Văn Thành Bắc, Phường 25 Quận Bình Thạnh Tp. Hồ Chí Minh
16	Trường Đại học Ngân hàng thành phố HCM	36 Tôn Thất Đạm, Quận 1 Tp. Hồ Chí Minh
17	Nhạc viện Tp. HCM	112 Nguyễn Du, Quận 1 Tp. Hồ Chí Minh
18	Trường Đại học Thể dục Thể thao 2	Khu phố 6, Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Tp. Hồ Chí Minh
19	Trường ĐH Dân lập Hồng Bàng	Số 3 Hoàng Việt, Phường 4 Quận Tân Bình Tp. Hồ Chí Minh
20	Trường ĐH Dân lập Hùng Vương	736 đường Nguyễn Trãi, Quận 5 Tp. Hồ Chí Minh
21	Trường ĐH Dân lập Kỹ thuật-Công nghệ Tp. HCM	144/24 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh Tp. Hồ Chí Minh
22	Trường ĐH Dân lập Ngoại ngữ - Tin học Tp. HCM	155 Sư Vạn Hạnh (nối dài), Quận 10 Tp. Hồ Chí Minh
23	Trường ĐH Dân lập Văn Hiến	A2 Đường D2 Văn Thành Bắc, Phường 15 Tp. Hồ Chí Minh
24	Trường ĐH Dân lập Văn Lang	45 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Cô Giang, Quận 1 Tp. Hồ Chí Minh
25	Trường ĐH Bán công Tôn Đức Thắng	98 Ngô Tất Tố, Phường 19, Quận Bình Thạnh Tp. Hồ Chí Minh
26	Đại học Mở Bán công Tp. HCM	16 Võ Văn Tần, Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh.
27	Trường Đại học Bán công Marketing TP. HCM	306 Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Tân Bình Tp. Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam	
29	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở 2	11 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1 Tp. Hồ Chí Minh
30	Trường ĐH Giao thông Vận tải cơ sở 2	Tăng Nhơn Phú - Quận 9 Tp. Hồ Chí Minh

31	Học viện Hành chính Quốc gia cơ sở 2	Số 10, đường 3/2, Quận 10 Tp.Hồ Chí Minh
32	Trường ĐH Ngoại thương cơ sở 2	2 bis Phan Xích Long, phường 3 Quận Phú Nhuận Tp. Hồ Chí Minh
33	Trường ĐH Thủy lợi cơ sở 2	Số 2 đường Trường Sa Quận Bình Thạnh Tp. Hồ Chí Minh
34	Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục và Đào tạo II	
35	Trường CĐ Kỹ thuật VinhemPich	189 Nguyễn Oanh, phường 10 Quận Gò Vấp Tp.Hồ Chí Minh
36	Trường CĐ Sư phạm Tp. HCM	273 An Dương Vương, Phường3, Quận 5 Tp.Hồ Chí Minh
37	Trường CĐ Bán công Công nghệ và Quản trị Doanh nghiệp	28-30 Ngô Quyền, Phường 6, Quận 5 Tp.Hồ Chí Minh
38	Trường CĐ Bán công Hoa Sen	Số 8 Nguyễn Văn Tráng, Quận 1 Tp.Hồ Chí Minh
39	Trường Cao đẳng Công nghiệp IV	12 Nguyễn Văn Bảo, Quận Gò Vấp Tp.Hồ Chí Minh
40	Trường CĐ Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM	54/12 Tân Kỳ, Tân Quý, Phường 14, Quận Tân Bình Tp.Hồ Chí Minh
41	Trường CĐ Dân lập công nghệ thông tin TP.HCM	270/8-10 Lý Thường Kiệt Phường 10, Quận 10 Tp.Hồ Chí Minh
42	Trường CĐ Kỹ nghệ Dân lập TP. HCM	354 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1 Tp.Hồ Chí Minh
43	Trường CĐ Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp II	Phường Phước Long B, Quận 9 Tp.Hồ Chí Minh
44	Trường CĐ Giao thông Vận tải 3	569 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6 Tp.Hồ Chí Minh
45	Trường Cao đẳng Hải quan	778 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận Tp.Hồ Chí Minh
46	Trường CĐ Kinh tế đối ngoại	287 Phan Đình Phùng, Quận Phú Nhuận Tp.Hồ Chí Minh
47	Trường CĐ Sư phạm Mẫu giáo TW3 Tp. HCM	182 Nguyễn Chí Thanh, Quận 10 Tp.Hồ Chí Minh
48	Trường CĐ Sân khấu, Điện ảnh Tp. HCM	125 Cống Quỳnh, Quận 1 Tp.Hồ Chí Minh
49	Trường CĐSP Thể dục TW2 Tp. HCM	639 Nguyễn Trãi, Quận 5 Tp.Hồ Chí Minh
50	Trường CĐ Tài chính Kế toán IV	Số 6 Bis Tôn Đức Thắng, Quận 1 Tp.Hồ Chí Minh
51	Trường CĐ Văn hoá Nghệ thuật Tp. HCM	Số 5 Nam Quốc Cang, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 Tp.Hồ Chí Minh
52	Trường CĐ Văn hoá Tp. HCM	61 Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2 Tp.Hồ Chí Minh
53	Trường Cao đẳng Xây dựng số 2	190 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức Tp.Hồ Chí Minh
54	Trường CĐ Kiểm sát	27 Nguyễn Trung Trực Tp.HCM